

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN ĐẠT HỌC BỔNG HỌC TẬP  
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025  
(Cập nhật 13g00 ngày 15 tháng 9 năm 2025)

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên                | Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Điểm rèn luyện | Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Mức học bổng | Số tiền học bổng |
|-----|-----------------|--------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 1   | BABAAD23027     | Phạm Võ Thanh Thảo       | 82                                                       | 73             | 18                                                       | Khá          | 32,400,000       |
| 2   | BABAIU21008     | Âu Thị Bảo Châu          | 83                                                       | 90             | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 3   | BABAIU21595     | Mai Thiên Xuân           | 90.2                                                     | 73             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 4   | BABAIU21393     | Nguyễn Đức Hậu           | 88                                                       | 65             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 5   | BABAIU21407     | Nguyễn Quốc Huy          | 86.4                                                     | 65             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 6   | BABAIU21386     | Bùi Trần Thụy Hân        | 86                                                       | 68             | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 7   | BABAIU21568     | Vũ Minh Trường           | 84                                                       | 76             | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 8   | BABAIU21578     | Lê Mỹ Uyên               | 83.1                                                     | 65             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 9   | BABAIU21440     | Dương Khánh Ly           | 82.1                                                     | 65             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 10  | BABAIU21230     | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh    | 81.7                                                     | 73             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 11  | BABAIU21459     | Tiêu Hà My               | 74.5                                                     | 79             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 12  | BABAIU21248     | Đỗ Hồng Ngọc             | 73.1                                                     | 76             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 13  | BABAIU22200     | Phan Thu Ngân            | 90.2                                                     | 82             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 14  | BABAIU22570     | Trương Thị Mộng Lành     | 89.4                                                     | 100            | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 15  | BABAIU22268     | Mai Gia Hân              | 89.3                                                     | 80             | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 16  | BABAIU22414     | Nguyễn Thị Thủy          | 87                                                       | 100            | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 17  | BABAIU22579     | Nguyễn Trần Khánh Linh   | 86.9                                                     | 100            | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 18  | BABAIU22358     | Nguyễn Yên Linh          | 86.7                                                     | 100            | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 19  | BABAIU22577     | Trần Tiến Khoa           | 86.4                                                     | 100            | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 20  | BABAIU22019     | Mai Hoàng Chi            | 86.1                                                     | 100            | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 21  | BABAIU22345     | Bùi Thị Mỹ Trà           | 85.5                                                     | 100            | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 22  | BABAIU22684     | Lê Thị Khả Duyên         | 85.3                                                     | 100            | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 23  | BABAIU22424     | Nguyễn Trần Ngọc Hân     | 85.3                                                     | 81             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 24  | BABAIU22557     | Lê Hà Khanh              | 85                                                       | 100            | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 25  | BABAIU22372     | Nguyễn Châu Thị Thu Diệu | 84.9                                                     | 87             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 26  | BABAIU22580     | Phan Hữu Lâm             | 84.9                                                     | 81             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 27  | BABAIU22631     | Trần Huỳnh Phương Uyên   | 83.9                                                     | 86             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 28  | BABAIU22429     | Nguyễn Cao Minh An       | 83.6                                                     | 100            | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 29  | BABAIU22067     | Trần Ngọc Thiên Kim      | 83.6                                                     | 82             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 30  | BABAIU23287     | Lê Bảo Trân              | 87.6                                                     | 100            | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 31  | BABAIU23256     | Lữ Phạm Anh Thư          | 86                                                       | 94             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên              | Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Điểm rèn luyện | Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Mức học bổng | Số tiền học bổng |
|-----|-----------------|------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 32  | BABAIU23193     | Nguyễn Đào Ý Nhi       | 85.9                                                     | 86             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 33  | BABAIU23188     | Nguyễn Đỗ Phương Nhi   | 85.8                                                     | 96             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 34  | BABAIU23133     | Nguyễn Kiều Linh       | 84.3                                                     | 86             | 23                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 35  | BABAIU23019     | Nguyễn Ngọc Phương Anh | 84.3                                                     | 84             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 36  | BABAIU23021     | Nguyễn Phạm Thục Anh   | 82.1                                                     | 88             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 37  | BABAIU23075     | Lâm Gia Hân            | 81.2                                                     | 80             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 38  | BABAIU23254     | Trần Bích Thoa         | 80.2                                                     | 81             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 39  | BABAIU23302     | Nguyễn Thu Uyên        | 85.4                                                     | 69             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 40  | BABAIU23340     | Nguyễn Thị Minh Châu   | 83.7                                                     | 78             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 41  | BABAIU23090     | Nguyễn Minh Hoàng      | 83.2                                                     | 65             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 42  | BABAIU24214     | Bùi Lê Phương Thảo     | 88.6                                                     | 80             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 43  | BABAIU24110     | Nguyễn Quốc Huy        | 84.4                                                     | 90             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 44  | BABAIU24114     | Mai Ngọc Kha           | 83.4                                                     | 90             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 45  | BABAIU24255     | Phạm Trần Đức Trí      | 83.3                                                     | 90             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 46  | BABAIU24242     | Dương Nhật Tiến        | 82.1                                                     | 84             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 47  | BABAIU24201     | Phạm Nguyễn Ngọc Quỳnh | 80.6                                                     | 88             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 48  | BABAIU24142     | Hồ Hà Anh Minh         | 80.2                                                     | 82             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 49  | BABAIU24104     | Phan Đỗ Quỳnh Hương    | 80.1                                                     | 82             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 50  | BABAIU24209     | Phan Thái Thanh        | 84.5                                                     | 71             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 51  | BABAIU24113     | Huỳnh Thị Thanh Huyền  | 82.2                                                     | 77             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 52  | BABAUH23060     | Vũ Thiên Hương         | 80.8                                                     | 67             | 15                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 53  | BABAWE23072     | Đỗ Huỳnh Minh Khánh    | 77.5                                                     | 100            | 18                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 54  | BABAUH23046     | Đặng Tổ Nguyên         | 75.6                                                     | 67             | 17                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 55  | BABAWE23037     | Hồ Khắc Quang Minh     | 73.2                                                     | 66             | 18                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 56  | BABAUH23035     | Trương Ngọc Thùy Vân   | 72.9                                                     | 66             | 19                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 57  | BABAWE24069     | Hoàng Ngọc Phước       | 84.1                                                     | 100            | 16                                                       | Giỏi         | 33,000,000       |
| 58  | BABAWE24009     | Trần Quốc Minh Trí     | 76.3                                                     | 76             | 16                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 59  | BABAWE24067     | Lê Hoàng Phát          | 74.2                                                     | 98             | 16                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 60  | BAMKIU24032     | Đào Ngọc Vân Khanh     | 85.8                                                     | 90             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 61  | BAMKIU24098     | Võ Thị Huyền Trân      | 80.4                                                     | 85             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 62  | BAMKIU24020     | Lê Minh Đạt            | 86                                                       | 68             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 63  | BAMKIU24002     | Lê Ngọc Hoàng Anh      | 81.9                                                     | 73             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 64  | BEBEIU21053     | Bùi Minh Đức           | 94.8                                                     | 100            | 22                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 65  | BEBEIU21269     | Huỳnh Anh Thái         | 94.1                                                     | 100            | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 66  | BEBEIU21169     | Nguyễn Trọng Tín       | 92.5                                                     | 95             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 67  | BEBEIU21013     | Nguyễn Hoàng Lân       | 92.3                                                     | 100            | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 68  | BEBEIU22014     | Vũ Cao Bằng            | 92.8                                                     | 93             | 20                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 69  | BEBEIU22183     | Trần Thị Ngọc Diệp     | 92.1                                                     | 100            | 22                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 70  | BEBEIU22061     | Võ Đăng Khoa           | 91.9                                                     | 95             | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên               | Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Điểm rèn luyện | Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Mức học bổng | Số tiền học bổng |
|-----|-----------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 71  | BEBEIU22191     | Giang Ngọc Phương Thanh | 91.4                                                     | 90             | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 72  | BEBEIU23072     | Nguyễn Xuân Dũng        | 91.6                                                     | 100            | 24                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 73  | BEBEIU23045     | Nguyễn Ngô Minh Trí     | 88.6                                                     | 90             | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 74  | BEBEIU23074     | Lê Gia Hân              | 88                                                       | 95             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 75  | BEBEIU24004     | Lê Trần Bảo Anh         | 85.3                                                     | 83             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 76  | BEBEIU24048     | Trương Ngọc Minh        | 81.4                                                     | 88             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 77  | BEBEIU24095     | Đỗ Thị Như Ý            | 75.6                                                     | 84             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 78  | BTBCIU21016     | Đinh Thị Thanh Vân      | 84.9                                                     | 90             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 79  | BTBCIU22081     | Trần Lê Minh Khôi       | 79.6                                                     | 79             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 80  | BTBCIU23032     | Nguyễn Trần Thanh Tâm   | 84                                                       | 97             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 81  | BTBTIU21293     | Dương Thị Anh Tâm       | 92.3                                                     | 86             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 82  | BTBTIU21168     | Mai Thùy Trang          | 89.5                                                     | 85             | 15                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 83  | BTBTIU21175     | Phạm Uyên Mai Anh       | 88.6                                                     | 100            | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 84  | BTBTIU21272     | Võ Hải Vân              | 87.5                                                     | 87             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 85  | BTBTIU22199     | Phạm Đức Chính          | 94.1                                                     | 97             | 18                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 86  | BTBTIU22316     | Ngư Ngọc Lan            | 92.6                                                     | 100            | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 87  | BTBTIU22201     | Phan Vũ Gia Hân         | 86.8                                                     | 100            | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 88  | BTBTIU23136     | Phan Trần Bảo Nguyên    | 90.9                                                     | 100            | 22                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 89  | BTBTIU23112     | Hồ Đắc Lê Quỳnh         | 92.2                                                     | 87             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 90  | BTBTIU23106     | Phan Tuyết Anh          | 88.3                                                     | 100            | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 91  | BTBTIU23111     | Nguyễn Hoàng Ngân       | 88.1                                                     | 81             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 92  | BTBTIU23140     | Đinh Khánh Minh Thư     | 87.9                                                     | 100            | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 93  | BTBTWE24044     | Nguyễn Thị Quỳnh Như    | 88.3                                                     | 100            | 17                                                       | Giỏi         | 33,000,000       |
| 94  | BTBTWE23029     | Lâm Ngọc Thơ            | 82.5                                                     | 87             | 17                                                       | Giỏi         | 33,000,000       |
| 95  | BTFTIU21150     | Lê Trần Thị Ngọc Châu   | 89.6                                                     | 89             | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 96  | BTFTIU21047     | Shen Thuận Minh         | 86.9                                                     | 95             | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 97  | BTFTIU22132     | Trương Lê Thùy Dương    | 89                                                       | 100            | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 98  | BTFTIU22130     | Hà Thanh Hoàng          | 88.1                                                     | 100            | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 99  | BTFTIU23028     | Quách Đông Nghi         | 83.7                                                     | 71             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 100 | BTFTIU23012     | Hà Cẩm Huy              | 79.9                                                     | 92             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 101 | BTFTIU24017     | Giang Vĩnh Khoa         | 91.8                                                     | 100            | 17                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 102 | CECEIU21026     | Nguyễn Phương Kiệt      | 81.7                                                     | 86             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 103 | CECEIU22084     | Bùi Tá Hoàng Tân        | 84                                                       | 86             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 104 | CECEIU23006     | Từ Quốc Huy             | 82.2                                                     | 100            | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 105 | CECEIU24004     | Đặng Nguyễn Sĩ Đồng     | 81.1                                                     | 87             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 106 | CECMIU21024     | Hoàng Thị Yến Vy        | 72.6                                                     | 75             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 107 | CECMIU22014     | Võ Thành Khoa           | 90.7                                                     | 100            | 21                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 108 | CECMIU23005     | Lê Thị Thảo Nguyên      | 86.2                                                     | 100            | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên               | Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Điểm rèn luyện | Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Mức học bổng | Số tiền học bổng |
|-----|-----------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 109 | BTCEIU21009     | Phạm Vũ Thắng           | 91                                                       | 100            | 20                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 110 | BTCEIU21076     | Lê Vũ Trúc Vy           | 83.5                                                     | 76             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 111 | CHCEIU22011     | Nguyễn Đức Minh Khang   | 80.3                                                     | 98             | 22                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 112 | CHCEIU22050     | Nguyễn Ngọc Huệ Văn     | 78.8                                                     | 81             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 113 | CHCEIU23059     | Lê Huỳnh Yên Ngọc       | 85.5                                                     | 100            | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 114 | CHCEIU23036     | Ông Lê Khánh Quỳnh      | 84.1                                                     | 100            | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 115 | CHCEIU24032     | Phạm Trường Minh        | 80.2                                                     | 93             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 116 | EVEVIU21016     | Nguyễn Huỳnh Bảo Duy    | 75.3                                                     | 79             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 117 | CHEVIU22002     | Dương Lê Thanh Thoa     | 82.9                                                     | 100            | 23                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 118 | CHEVIU23006     | Nguyễn Thị Ngọc Ánh     | 82.9                                                     | 83             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 119 | EEACIU21154     | Nguyễn Anh Thư          | 86.5                                                     | 94             | 22                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 120 | EEACIU22168     | Nguyễn Minh Đức         | 88.1                                                     | 84             | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 121 | EEACIU22118     | Lê Đoàn Minh Thư        | 88                                                       | 100            | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 122 | EEACIU22234     | Trần Minh Trí           | 86.5                                                     | 90             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 123 | EEACIU23077     | Tổng Đức Hòa            | 88.3                                                     | 87             | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 124 | EEACIU23082     | Lê Xuân Khoa            | 88.1                                                     | 98             | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 125 | EEACIU23070     | Vũ Anh Minh             | 85.1                                                     | 82             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 126 | EEACIU24114     | Phạm Minh Trí           | 76.4                                                     | 89             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 127 | EEACIU24001     | Lê Nhật An              | 73.6                                                     | 70             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 128 | EEACIU24035     | Nguyễn Hữu Phúc Gia     | 71.6                                                     | 67             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 129 | EEEEIU21037     | Nguyễn Phương Khanh     | 80.8                                                     | 82             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 130 | EEEEIU22073     | Nguyễn Thành Nhân       | 81.3                                                     | 87             | 23                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 131 | EEEEIU23017     | Lê Nguyễn Khả Ngân      | 83.2                                                     | 77             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 132 | EEEEIU24001     | Thái Lý An              | 76.2                                                     | 73             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 133 | ENENIU21083     | Nguyễn Kiều Anh         | 89.8                                                     | 84             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 134 | ENENIU21008     | Vũ Huy Hoàng            | 89.6                                                     | 83             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 135 | ENENIU21067     | Nguyễn Trang Như        | 88.8                                                     | 85             | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 136 | ENENIU22137     | Nguyễn Gia Vĩ           | 90.2                                                     | 100            | 19                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 137 | ENENIU22128     | Nguyễn Thị Châu Anh     | 89                                                       | 100            | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 138 | ENENIU22138     | Phạm Hoài Chung         | 87.3                                                     | 98             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 139 | ENENIU22047     | Lê Trần Như Uyên        | 86.7                                                     | 100            | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 140 | ENENIU23087     | Hoàng Ngọc Thái Hà      | 90.7                                                     | 99             | 20                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 141 | ENENIU23099     | Nguyễn Võ Mẫn Nghi      | 83.9                                                     | 91             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 142 | ENENIU23094     | Phạm Hữu Nhân           | 83.4                                                     | 100            | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 143 | ENENIU23010     | Nguyễn Phương Thúy Bình | 82.7                                                     | 88             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 144 | ENENIU24047     | Nguyễn Hà Bảo Lan       | 87.3                                                     | 88             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 145 | ENENIU24062     | Phan Thanh Minh         | 85                                                       | 100            | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 146 | ENENIU24088     | Bùi Vũ Hoàng Phương     | 84.6                                                     | 97             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 147 | ENENIU24111     | Mã Ngọc Huyền Trân      | 84.6                                                     | 83             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 148 | ENENIU24093     | Đoàn Lê Hoàng Quyên     | 84.2                                                     | 100            | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên             | Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Điểm rèn luyện | Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Mức học bổng | Số tiền học bổng |
|-----|-----------------|-----------------------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 149 | ENENWE23133     | Nguyễn Mai Kiều Thư   | 86.2                                                     | 100            | 15                                                       | Giỏi         | 33,000,000       |
| 150 | ENENWE23105     | Lê Thuỳ Dung          | 81**                                                     | 100            | 15                                                       | Giỏi         | 33,000,000       |
| 151 | ENENWE23049     | Võ Hoài An            | 81                                                       | 100            | 15                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 152 | ENENWE24032     | Hồ Hoàng Việt         | 80.6                                                     | 95             | 17                                                       | Giỏi         | 33,000,000       |
| 153 | ENENWE24119     | Phan Khải Minh        | 80.3                                                     | 72             | 17                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 154 | ENENWE24120     | Đoàn Gia Phúc         | 75.5                                                     | 90             | 17                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 155 | BAACIU21029     | Lê Thị Vân Nga        | 90                                                       | 100            | 20                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 156 | BAACIU21203     | Phạm Thị Phương Thùy  | 88.4                                                     | 97             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 157 | FAACIU22045     | Nguyễn Vũ Bảo Ngọc    | 92.7                                                     | 95             | 18                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 158 | FAACIU22018     | Nguyễn Khánh Hà       | 90.7                                                     | 100            | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 159 | FAACIU22016     | Hà Nguyễn Bảo Duy     | 88.4                                                     | 89             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 160 | FAACIU23066     | Nguyễn Thị Minh Thư   | 78.8                                                     | 78             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 161 | FAACIU23012     | Thiều Minh Huyền      | 78.6                                                     | 76             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 162 | FAACIU24016     | Lê Duy Hân            | 79.6                                                     | 83             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 163 | FAECIU23019     | Trần Ngọc Như Quỳnh   | 92.6                                                     | 98             | 15                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 164 | FAECIU23035     | Nguyễn Hoàng Minh Anh | 89.8                                                     | 80             | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 165 | FAECIU24005     | Phan Hồng Ngọc Anh    | 81.8                                                     | 100            | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 166 | FAECIU24113     | Ma Thị Quỳnh Trang    | 81.4                                                     | 92             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 167 | FAECIU24057     | Nguyễn Trần Cao Lâm   | 84.4                                                     | 70             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 168 | FAECIU24039     | Nguyễn Hoàng Anh Huy  | 76.4                                                     | 68             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 169 | BAFNIU21002     | Bùi Huỳnh Kim An      | 86.1                                                     | 91             | 22                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 170 | BAFNIU21434     | Lê Châu Trúc Giang    | 86                                                       | 86             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 171 | BAFNIU21599     | Phạm Ngọc Bảo Trân    | 84.5                                                     | 83             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 172 | BAFNIU21042     | Huỳnh Lâm Hoàng Huân  | 83.2                                                     | 86             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 173 | BAFNIU21622     | Lê Thuỳ Thảo Vy       | 82.8                                                     | 85             | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 174 | BAFNIU21092     | Huỳnh Thu Ngọc        | 81.8                                                     | 90             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 175 | BAFNIU21543     | Phạm Lê Đông Phương   | 81.6                                                     | 93             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 176 | BAFNIU21136     | Đào Nguyễn Ngọc Trân  | 80.7                                                     | 80             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 177 | BAFNIU21419     | Nguyễn Thị Thùy Dung  | 91                                                       | 73             | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 178 | BAFNIU21085     | Lê Nguyễn Hoàng Ngân  | 90.5                                                     | 68             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 179 | FAFBIU22036     | Nguyễn Xuân Dung      | 90.6                                                     | 90             | 20                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 180 | FAFBIU22244     | Lê Khánh Lan Chi      | 89.5                                                     | 98             | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 181 | FAFBIU22219     | Ngô Nguyên Cát Tường  | 87.6                                                     | 83             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 182 | FAFBIU22210     | Nguyễn Đức Trọng      | 90.2                                                     | 98             | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 183 | FAFBIU22062     | Cao Nguyên Hiếu       | 85.1                                                     | 90             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 184 | FAFBIU22116     | Trang Khánh Nghi      | 83.8                                                     | 100            | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 185 | FAFBIU22217     | Nguyễn Minh Tuấn      | 82.7                                                     | 83             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 186 | FAFBIU22265     | Cao Xuân Mai          | 82.1                                                     | 83             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 187 | FAFBIU22215     | Mai Anh Tú            | 82                                                       | 83             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 188 | FAFBIU23201     | Phạm Lê Bảo Hân       | 82.9                                                     | 95             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên               | Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Điểm rèn luyện | Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Mức học bổng | Số tiền học bổng |
|-----|-----------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 189 | FAFBIU23217     | Kim Un Bok              | 82.6                                                     | 96             | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 190 | FAFBIU23205     | Nguyễn Hoàng Khang      | 81.4                                                     | 100            | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 191 | FAFBIU23095     | Võ Khánh Nghi           | 84.9                                                     | 69             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 192 | FAFBIU23127     | Nguyễn Huỳnh Mạnh Phước | 82.4                                                     | 66             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 193 | FAFBIU23215     | Hứa Ngọc Nghi Văn       | 81.8                                                     | 78             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 194 | FAFBIU23101     | Nguyễn Thảo Nguyên      | 79.7                                                     | 78             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 195 | FAFBIU23028     | Dư Nguyễn Hoàng Duy     | 79.5                                                     | 95             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 196 | FAFBIU24041     | Nguyễn Thái Hải         | 90.8                                                     | 92             | 16                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 197 | FAFBIU24140     | Lê Đoàn Minh Thư        | 88.6                                                     | 95             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 198 | FAFBIU24005     | Thieu Đặng Hoàng Anh    | 88.1                                                     | 81             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 199 | FAFBIU24114     | Phạm Nguyễn Gia Phúc    | 82                                                       | 65             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 200 | FAFBIU24019     | Nguyễn Quốc Bảo         | 78                                                       | 95             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 201 | FAFBIU24098     | Võ Thành Nghĩa          | 72.4                                                     | 86             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 202 | IEIEIU21086     | Nguyễn Thụy Trâm Anh    | 89.2                                                     | 91             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 203 | IEIEIU21081     | Nguyễn Thụy Xuân Hoàng  | 86.7                                                     | 83             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 204 | IEIEIU21009     | Hồ Thị Minh Uyên        | 85.4                                                     | 72             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 205 | IEIEIU22049     | Dương Hoàng Thiên Trang | 88.5                                                     | 85             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 206 | IEIEIU22080     | Trần Nguyên Khang       | 84.4                                                     | 90             | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 207 | IEIEIU23054     | Đinh Huyền Trâm         | 87.9                                                     | 79             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 208 | IEIEIU23051     | Nguyễn Gia Minh         | 83.5                                                     | 65             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 209 | IEIEIU24057     | Quách Minh Thùy         | 93.3                                                     | 87             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 210 | IEIEIU24010     | Nguyễn Thành Đạt        | 84.8                                                     | 87             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 211 | IELSIU21006     | Nguyễn Thị Phương Anh   | 92.2                                                     | 95             | 19                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 212 | IELSIU21181     | Nguyễn Lê Hoàng Vy      | 89.8                                                     | 87             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 213 | IELSIU21344     | Phạm Ngọc Lâm Nhi       | 91.3                                                     | 100            | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 214 | IELSIU21209     | Trần Thanh Lam          | 91.2                                                     | 91             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 215 | IELSIU21318     | Chu Thị Thùy Linh       | 88                                                       | 81             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 216 | IELSIU21207     | Lê Ngọc Y Khánh         | 85.7                                                     | 87             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 217 | IELSIU21259     | Nguyễn Duy Anh          | 84                                                       | 81             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 218 | IELSIU21370     | Tô Diễm Quỳnh           | 83.4                                                     | 80             | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 219 | IELSIU21271     | Phan Thành Đạt          | 83.4                                                     | 81             | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 220 | IELSIU22040     | Trần Bình Phương Huyền  | 91.6                                                     | 100            | 24                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 221 | IELSIU22287     | Ngô Nhật Bích Trâm      | 90.6                                                     | 98             | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 222 | IELSIU22225     | Huỳnh Khánh Nhân        | 90                                                       | 97             | 23                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 223 | IELSIU22262     | Phan Trúc An            | 91.1                                                     | 89             | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 224 | IELSIU22265     | Lê Trúc Anh             | 89.8                                                     | 100            | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 225 | IELSIU22243     | Lâm Nhật Huy            | 89.8                                                     | 97             | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 226 | IELSIU22386     | Nguyễn Hồng Linh        | 89.7                                                     | 100            | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên               | Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Điểm rèn luyện | Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Mức học bổng | Số tiền học bổng |
|-----|-----------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 227 | IELSIU22271     | Trương Ngọc Tuyết Vân   | 88.3                                                     | 100            | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 228 | IELSIU23030     | Nguyễn Quỳnh Hương      | 88.4                                                     | 88             | 23                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 229 | IELSIU23038     | Trần Gia Khánh          | 88.2                                                     | 100            | 22                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 230 | IELSIU23040     | Trần An Khoa            | 87.9                                                     | 91             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 231 | IELSIU23105     | Lê Tú Uyên              | 87.2                                                     | 92             | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 232 | IELSIU23092     | Trần Ngọc Đan Trâm      | 86.4                                                     | 83             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 233 | IELSIU24133     | Nguyễn Anh Gia Phúc     | 93.3                                                     | 100            | 16                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 234 | IELSIU24127     | Ngô Gia Phong           | 93.6                                                     | 87             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 235 | IELSIU24156     | Nguyễn Nhật Thanh       | 90                                                       | 92             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 236 | IELSIU24132     | Trần Duy Phúc           | 87.3                                                     | 92             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 237 | IELSIU24074     | Nguyễn Tuấn Khôi        | 84.6                                                     | 86             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 238 | IELSIU24079     | Nguyễn Hà Gia Linh      | 84.2                                                     | 97             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 239 | IELSIU24117     | Nguyễn Hoàng Nhân       | 84.1                                                     | 95             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 240 | IELSIU24165     | Ngô Ngọc Anh Thư        | 83.9                                                     | 92             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 241 | ITCSIU21236     | Nguyễn Thị Anh Thơ      | 91                                                       | 85             | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 242 | ITCSIU21182     | Trần Vũ Khánh Hưng      | 87.7                                                     | 82             | 15                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 243 | ITCSIU21207     | Huỳnh Hữu Nghĩa         | 85                                                       | 88             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 244 | ITCSIU21096     | Lê Tuấn Phúc            | 90.5                                                     | 71             | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 245 | ITCSIU21004     | Nguyễn Khánh Hà         | 89.7                                                     | 79             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 246 | ITCSIU22107     | Lê Nguyễn Tấn Phát      | 91.6                                                     | 100            | 22                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 247 | ITCSIU22186     | Hồ Trung Thy Giang      | 92.6                                                     | 88             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 248 | ITCSIU22226     | Hồ Hoàng Bảo Trân       | 90.1                                                     | 100            | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 249 | ITCSIU22288     | Nguyễn Hoàng Thảo Trinh | 87.8                                                     | 90             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 250 | ITCSIU22094     | Nguyễn Thị Quỳnh Nga    | 85.4                                                     | 90             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 251 | ITCSIU22256     | Hoàng Ngọc Quỳnh Anh    | 84.6                                                     | 100            | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 252 | ITCSIU23036     | Lê Huỳnh Thiện          | 88.8                                                     | 80             | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 253 | ITCSIU23015     | Trương Quốc Khánh       | 87                                                       | 100            | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 254 | ITCSIU24083     | Phạm Thanh Thư          | 88.6                                                     | 100            | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 255 | ITCSIU24070     | Trần Minh Phúc          | 86.8                                                     | 80             | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 256 | ITCSIU24065     | Nguyễn Ngọc Phương Như  | 85                                                       | 81             | 17                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 257 | ITDSIU21057     | Nguyễn Hải Ngọc         | 89.7                                                     | 92             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 258 | ITDSIU21091     | Nguyễn Nhật Khiêm       | 87.1                                                     | 83             | 15                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 259 | ITDSIU21088     | Đào Ngọc Lan Hồng       | 84.9                                                     | 84             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 260 | ITDSIU22144     | Võ Nguyễn Thanh Thảo    | 87.3                                                     | 87             | 21                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 261 | ITDSIU22142     | Nguyễn Thị Thanh Tâm    | 87.2                                                     | 81             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 262 | ITDSIU23003     | Nguyễn Huỳnh Ngân Anh   | 84.3                                                     | 100            | 17                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 263 | ITDSIU24050     | Nguyễn Vũ Thuần         | 87.1                                                     | 100            | 15                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 264 | ITDSIU24047     | Phạm Quang Thịnh        | 84.7                                                     | 95             | 15                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 265 | ITITIU21328     | Trịnh Thủy Tiên         | 86.3                                                     | 87             | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |

| STT | Mã số sinh viên | Họ và tên                | Điểm trung bình các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Điểm rèn luyện | Tổng số tín chỉ các môn học lần 1, đạt, có tính vào GPA* | Mức học bổng | Số tiền học bổng |
|-----|-----------------|--------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|--------------|------------------|
| 266 | ITITIU21185     | Nguyễn Tấn Dũng          | 81.8                                                     | 80             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 267 | ITITIU21127     | Nguyễn Trần Hoàng Hạ     | 81.5                                                     | 100            | 15                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 268 | ITITIU21297     | Nguyễn Tiến Sơn          | 81.1                                                     | 87             | 23                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 269 | ITITIU21188     | Trương Bửu Duy           | 89.6                                                     | 67             | 15                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 270 | ITITIU21212     | Nguyễn Trang Thiên Hương | 87.5                                                     | 67             | 20                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 271 | ITITIU21240     | Nguyễn Minh Lương        | 86.9                                                     | 70             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 272 | ITITIU21256     | Dương Trọng Nghĩa        | 86.9                                                     | 73             | 26                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 273 | ITITIU22124     | Trần Thiên Phú           | 85.3                                                     | 87             | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 274 | ITITIU22152     | Âu Nguyễn Nhật Thư       | 81.2                                                     | 100            | 19                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 275 | ITITIU22177     | Nguyễn Quốc Tuấn         | 83.2                                                     | 75             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 276 | ITITIU23003     | Huỳnh Tuấn Anh           | 83.2                                                     | 91             | 20                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 277 | ITITIU24065     | Huỳnh Ngọc Thủy Tiên     | 85.1                                                     | 95             | 15                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 278 | ITITWE23021     | Trần Anh Khoa            | 90.9                                                     | 90             | 15                                                       | Xuất sắc     | 36,000,000       |
| 279 | ITITWE23009     | Ôn Minh Quân             | 91.3                                                     | 82             | 19                                                       | Giỏi         | 33,000,000       |
| 280 | ITITWE24025     | Nguyễn Trần Minh Thư     | 83.9                                                     | 95             | 23                                                       | Giỏi         | 33,000,000       |
| 281 | ITITWE24009     | Phạm Gia Hân             | 76.5                                                     | 93             | 23                                                       | Khá          | 30,000,000       |
| 282 | MAMAIU21006     | Vũ Thị Mai Phương        | 85.3                                                     | 92             | 15                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 283 | MAMAIU21115     | Phạm Thị Ánh Tuyết       | 83.3                                                     | 68             | 24                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 284 | MAMAIU22058     | Nguyễn Phước Bảo Thiện   | 88.6                                                     | 73             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 285 | MAMAIU22100     | Phạm Văn Nam             | 82                                                       | 69             | 21                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 286 | MAMAIU22073     | Nguyễn Minh Hồng Ngọc    | 78.9                                                     | 83             | 19                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 287 | MAMAIU23073     | Lý Bảo Châu              | 90.2                                                     | 100            | 17                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 288 | MASTIU23014     | Trần Thị Ngọc Trâm       | 81                                                       | 100            | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 289 | MAMAIU23057     | Cao Đức Thịnh            | 80.5                                                     | 89             | 22                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 290 | MAMAIU24003     | Lê Hoàng Minh Anh        | 81.8                                                     | 73             | 18                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 291 | MASTIU23011     | Cù Nguyễn Mai Hương      | 73.1                                                     | 86             | 16                                                       | Khá          | 20,000,000       |
| 292 | MASTIU24018     | Ngô Xuân Thủy            | 83.7                                                     | 85             | 18                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 293 | SESEIU21018     | Nguyễn Công Nguyên       | 91.1                                                     | 92             | 16                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 294 | SESEIU22050     | Trần Nguyễn Phương An    | 88.5                                                     | 94             | 24                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |
| 295 | SESEIU23015     | Lưu Đình Hiền            | 90.4                                                     | 100            | 21                                                       | Xuất sắc     | 24,000,000       |
| 296 | SESEIU24017     | Lê Văn Ly                | 84                                                       | 100            | 16                                                       | Giỏi         | 22,000,000       |

Danh sách này có 296 sinh viên ./.

--

\*\*: Sinh viên có cùng ĐTB học kỳ, ĐRL, số tín chỉ. Tuy nhiên ĐTBTL cao hơn => Được ưu tiên hơn khi xét và phân bổ học bổng (Mục 3, Điều 9, QĐ 884/QĐ-ĐHQT).